

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tư pháp tỉnh Đồng Nai

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;



Căn cứ Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 107/TTr-STP ngày 26 tháng 8 năm 2020.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được ban hành mới; được sửa đổi/bổ sung; bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai (danh mục và nội dung đính kèm). Cụ thể như sau:

1. Ban hành mới 06 thủ tục hành chính cấp tỉnh.

2. Sửa đổi 52 thủ tục hành chính:

- Cấp tỉnh: 33 thủ tục cấp tỉnh (thủ tục số 2, 3, 4, 5, 6 - Mục II. Lĩnh vực Quốc tịch; thủ tục số 67 - Mục VII. Lĩnh vực công chứng; thủ tục số 74, 75, 76, 77, 78, 80, 81, 82, 83, 84, 90, 91, 93 - Mục VIII. Lĩnh vực luật sư; thủ tục số 102, 103, 104, 108, 109, 110 - Mục X. Lĩnh vực tư vấn pháp luật; thủ tục số 120, 121, 122, 125, 126, 127, 128, 129 - Mục XIII. Lĩnh vực đấu giá tài sản - Phần A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh) đã được ban hành tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

- Cấp huyện: 11 thủ tục (từ thủ tục số 1 đến thủ tục số 11 - Mục I. Lĩnh vực Chứng thực - Phần B. Thủ tục hành chính cấp huyện) đã được ban hành tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

- Cấp xã: 08 thủ tục (từ thủ tục số 2 đến thủ tục số 9 - Mục I. Lĩnh vực Chứng thực - Phần C. Thủ tục hành chính cấp xã) đã được ban hành tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

3. Bãi bỏ 16 thủ tục cấp tỉnh (*thủ tục số 12, 13, 14 - Mục V. Lĩnh vực thanh tra; thủ tục số 66 - Mục VII. Lĩnh vực Công chứng; thủ tục số 79, 85, 86, 87, 88, 89 - Mục VIII. Lĩnh vực luật sư; thủ tục số 105, 106, 107 - Mục X. Lĩnh vực tư vấn pháp luật; thủ tục số 123, 124 - Mục IV. Lĩnh vực đấu giá tài sản; thủ tục số 143 - Mục XV. Thủ tục hành chính đặc thù*) đã được ban hành tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các nội dung khác tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

**Điều 3.** Sở Tư pháp; UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; UBND cấp xã; Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai Bộ thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc của đơn vị, tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Sở Tư pháp có trách nhiệm xây dựng, điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử của các thủ tục hành chính được ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi làm cơ sở để Sở Thông tin và Truyền thông triển khai cập nhật nội dung đối với những thủ tục hành chính được ban hành mới, điều chỉnh nội dung đối với những thủ tục hành chính được sửa đổi; gỡ bỏ những thủ tục hành chính bị bãi bỏ trên Phần mềm Một cửa điện tử (Egov) của tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Trung tâm Hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, THNC, HCC, Công TTĐT tỉnh.



**Cao Tiên Dũng**



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA  
NGÀNH TƯ PHÁP TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3411 /QĐ-UBND ngày 21/19/2020  
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

**Phần I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Dịch vụ công trực tuyến		Trang
		MĐ 3	MĐ 4	
<b>1</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực luật sư</b>			
01	Thủ tục chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật		X	01
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực chứng thực</b>			
02	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận			02
03	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận			04
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản</b>			
04	Thủ tục thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản			06
05	Thủ tục thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên			08
06	Thủ tục thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản			09
<b>2</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực quốc tịch</b>			

01	Thủ tục cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước		X	10
02	Thủ tục cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam		X	13
03	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam			16
04	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước			29
05	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước			38
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực chứng thực</b>			
06	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)			49
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực luật sư</b>			
07	Thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư		X	50
08	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư		X	51
09	Thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên		X	52
10	Thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh		X	53
11	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư		X	54
12	Thủ tục đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân		X	55
13	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài		X	56
14	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài		X	56
15	Thủ tục hợp nhất công ty luật			57
16	Thủ tục sáp nhập công ty luật		X	58
17	Thủ tục đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài			58
18	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh của công			59

	ty luật nước ngoài tại Việt Nam			
19	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài			60
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực tư vấn pháp luật</b>			
20	Thủ tục đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật		X	60
21	Thủ tục đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật		X	61
22	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh		X	61
23	Thủ tục cấp thẻ tư vấn viên pháp luật			62
24	Thủ tục thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật			62
25	Thủ tục cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật			63
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực đấu giá tài sản</b>			
26	Thủ tục cấp thẻ đấu giá viên			64
27	Thủ tục cấp lại thẻ đấu giá viên			64
28	Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản			64
29	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản			65
30	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản			65
31	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản			66
32	Thủ tục phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tiếp			66
33	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá			67
<b>3</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực công chứng</b>			
01	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt			

	Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận			
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực luật sư</b>			
02	Thủ tục chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư tự chấm dứt hoạt động hoặc công ty luật bị hợp nhất, sáp nhập		X	
03	Thủ tục chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh		X	
04	Thủ tục chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật		X	
05	Thủ tục phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới của Đoàn luật sư			
06	Thủ tục phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư			
07	Thủ tục giải thể Đoàn luật sư			
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực tư vấn pháp luật</b>			
08	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản			
09	Thủ tục chấm dứt hoạt động trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động			
10	Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật			
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực đấu giá tài sản</b>			
11	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp			
12	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác			
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực thanh tra</b>			
13	Thủ tục tiếp nhận và giải quyết tố cáo			

14	Thủ tục tiếp nhận giải quyết khiếu nại lần đầu			
15	Thủ tục tiếp nhận giải quyết khiếu nại lần hai			
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực đặc thù</b>			
16	Thủ tục đính chính sai sót			

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Dịch vụ công trực tuyến		Trang
		MĐ 3	MĐ 4	
	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực chứng thực</b>			
01	Thủ tục chứng thực chữ ký của người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp			68
02	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật			68
03	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)			69
04	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận			70
05	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận			71
06	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực			71
07	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản			72
08	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản			73
09	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di			75



	sản là động sản			
10	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch			76
11	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực			77

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Dịch vụ công trực tuyến		Trang
		MĐ 3	MĐ 4	
	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực chứng thực</b>			
01	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận			78
02	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở			78
03	Thủ tục chứng thực di chúc			79
04	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản			79
05	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở			80
06	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở			80
07	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực			81
08	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch			81